

NÓI VỀ THÀNH VIÊN TRONG GIA ĐÌNH

Kịch bản: Hải Hồ

Người đọc: Nguyễn Thương

Trong bài học trước, Paul và Sabina đã nói về cô em gái của Paul. Kết thúc đoạn hội thoại của bài trước, chúng ta đã được nghe về kỳ thi tốt nghiệp - Abitur của em gái Paul và bây giờ, cô ấy đang trong kì thi cuối cùng đó.

Nhưng em gái Paul vẫn còn nhiều điều thú vị đáng để tìm hiểu thêm, chúng ta hãy tiếp tục nghe thêm về cô ấy trong bài học này nhé

- *Wie geht es Ihrer Schwester?*
- *Danke, es geht ihr gut. Meine Schwester ist gerade im Stress. Sie lernt viel für das Abitur.*
- *Ich verstehe das. Das Abitur ist sehr wichtig.*
- *Meine Schwester hat so viele Interessen und Hobbys. Sie reitet. Sie spielt Tennis. Sie hört gern Musik. Und sie liest gern.*
- *Wirklich? Das ist schön. Ich lese auch gern.*

Hãy lắng nghe hội thoại thêm một lần nữa.

Sabina đã mở đầu đoạn hội thoại với một cấu trúc câu rất phổ biến mà chúng ta có thể nghe được ở rất nhiều bối cảnh hội thoại khác nhau, câu này cũng cho chúng ta biết cách sử dụng của động từ **gehen**, trong trường hợp này, gehen dùng để hỏi xem ai đó đang thế nào.

Câu hỏi của Sabina là:

- *Wie geht es Ihrer Schwester?*

Câu “Wie geht es Ihrer Schwester” có nghĩa là “em gái anh dạo này thế nào?”. “Wie geht es” dùng để hỏi ai đó thế nào, còn Ihrer Schwester có nghĩa là “em gái của anh”, hoặc cũng có thể dịch là “em gái của ngài” vì Ihr là từ dùng cho câu nói lịch sự.

Nhưng nếu là nói với bạn, chúng ta có thể dùng cấu trúc câu thân mật hơn để hỏi cho câu hỏi “em gái bạn dạo này thế nào”, nó là

- *Wie geht es deiner Schwester?*

Còn nếu tôi muốn hỏi sếp của tôi về em trai của ông ấy, thì tôi sẽ nên nói là

- *Wie geht es Ihrem Bruder?*

Nhưng nếu giả sử ông ấy là sếp bạn, nhưng cũng rất thân thiết với bạn, thì bạn cũng có thể hỏi là:

- *Wie geht es deinem Bruder?*

Ngoài ra, để hỏi thăm ai đó “khỏe không?” người mà chúng ta mới gặp hoặc mới làm việc cùng, một cách lịch sự và đơn giản, thì chúng ta nói.

- *Wie geht es Ihnen?*

Còn nếu hỏi thăm bạn bè của mình có khỏe không, thì chúng ta nói:

- *Wie geht es dir*

Quay lại câu hỏi của Sabina về em gái Paul, anh Paul trả lời là

- *Danke, es geht ihr gut*

Es geht ihr gut, cả câu này có nghĩa là “cô ấy ổn”.

Về cơ bản thì em gái Paul vẫn ổn, nhưng hiện tại cô ấy đang cảm thấy bị căng thẳng vì kì thi của cô ấy. Để nói “em gái tôi bị căng thẳng” thì sẽ là

- *Meine Schwester ist im Stress*

Nói “Meine Schwester ist im Stress”, thì cách nói này không thể hiện được về mặt thời gian là lúc nào thì cô ấy mới bị căng thẳng một cách chính xác.

Tuy nhiên, hiện tại em gái Paul “đang bị căng thẳng”, có nghĩa là sự căng thẳng đang xảy ra và làm cô ấy khó chịu, do đó Paul phải truyền đạt được sự chính xác về mặt thời gian này là - “đang bị căng thẳng”. Từ khóa để truyền tải là trạng từ:

- *Gerade*

Do đó, trong đoạn hội thoại, thực tế Paul đã nói

- *Meine Schwester ist gerade im Stress*

Thực tế là không có sự khác biệt nào về cách nói trong tiếng Đức khi muốn thể hiện là “anh ấy chơi bóng đá” và “anh ấy đang chơi bóng đá”.

Về cách sử dụng gerade trong trường hợp nói “anh ấy đang chơi bóng đá” là

Er spielt gerade Fußball

Lý do cô ấy bị căng thẳng là do học nhiều để chuẩn bị cho kì thi cuối cùng. Động từ “học” là

- *Lernen*

Paul nói:

- *Sie lernt viel für das Abitur*

Hãy lấy thêm một vài ví dụ cho động từ lernen, nếu tôi muốn nói là “Hiện tại tôi đang phải học rất nhiều” thì sẽ nói là.

- *Ich lerne gerade viel*

Sabina đã hiểu được lý do em gái Paul căng thẳng trong lúc này. Hơn tất cả, thì kì thi cuối cùng - Abitur này thực sự rất quan trọng. Tính từ quan trọng là

- *Wichtig*

Cụ thể, trong đoạn hội thoại, Sabina đã phản hồi

- *Das Abitur ist sehr wichtig*

Sehr wichtig, nghĩa là “thực sự quan trọng” hoặc “rất quan trọng”.

Paul đã nói về thời gian rảnh rỗi thì em gái anh ấy làm gì. Cô ấy có rất nhiều sở thích vào lúc rảnh rỗi. “rất nhiều” trong tiếng Đức là

- *So viele*

Hãy lưu ý rằng sở thích của em gái Paul là danh từ đếm được, do đó anh Paul đã nói “viele”. Còn nếu nói về những thứ không thể đếm được, ví dụ như mật ong, tiền, thời gian, coffee....thì chúng ta dùng từ viel thay cho viele. Ví dụ chúng ta nói cô ấy có rất nhiều tiền thì nói.

- *Sie hat so viel Geld*

Về các sở thích của em gái Paul, cô ấy thích cưỡi ngựa, chơi tennis, và nghe nhạc. Các từ khóa chúng ta cần quan tâm là

- *Reiten*
- *Spielen*

Và

- *Hören*

Từ vưng hören có nghĩa là nghe, hoặc lắng nghe

Về vấn đề sở thích của em gái, Paul đã nói

- *Sie reitet. Sie spielt Tennis. Sie hört gern Musik*

Nếu tôi nói về sở thích của cá nhân tôi, thì tôi sẽ nói.

- *Ich reite, Ich spiele Tennis, Ich höre Musik*

Cuối cùng, Paul nói là em gái anh ấy cũng thích đọc sách, động từ đọc sách trong tiếng Đức là lesen

Paul nói:

- *Sie liest gern*

Trạng từ gern, cho phép người nói thể hiện rằng ai đó đang thích gì đó. Lấy thêm ví dụ, nói “cô ấy thích uống coffee” sẽ nói là.

- *Sie trinkt gern Kaffee*

Và một ví dụ nữa, nói “tôi thích du lịch” thì nói là

- *Ich reise gern*

Sabina nói cô ấy cũng thích đọc sách, cô ấy bình luận chia sẻ của anh Paul như sau

- *Ich lese auch gern*

